**PHẦN II (tiếp theo)**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND-HC ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**2. Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã**

**2.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** | **Ghi chú** |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơtrực tiếp đến UBND cấp xã hoặc gửi đơn qua đường bưu điện. | Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |  |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | 1. Tiếp nhận đơn, vào sổ công văn đến.  2. Phân loại và xử lý đơn | Thực hiện theo quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo. |  |
| **Bước 3** | Giải quyết thủ tục hành chính | Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính từ Bộ phận xử lý đơn, công chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo cơ quan theo quy định. |  |  |
| *1. Tiếp nhận hồ sơ* | 1/2 ngày làm việc |  |
| *2. Giải quyết hồ sơ, trong đó:*  *+ Công chức cấp xã*  *+ Chủ tịch UBND cấp xã* | 6 ngày làm việc  3 ngày làm việc |  |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Công chức được phân công xử lý đơn nhập vào sổ theo dõi hồ sơ.  Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu điện. | 1/2 ngày làm việc |  |

**2.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh và các tài liệu, chứng cứ liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**2.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**2.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp xã.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND xã.

**2.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản trả lời, văn bản hướng dẫn, văn bản chuyển đơn hoặc văn bản thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

**2.6. Phí, lệ phí:** không.

**2.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không.

**2.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**2.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

Điều 27, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018, Luật Tiếp công dân năm 2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Tiếp công dân; Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

**2.10. Lưu hồ sơ (ISO):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục 2.2;  - Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời, văn bản hướng dẫn, văn bản chuyển đơn hoặc văn bản thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | Bộ phận xử lý đơn | Từ 01 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của UBND cấp xã |